

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 248/2025/DS-PT

Ngày 12-5-2025

“V/v tranh chấp về thừa kế tài sản”.

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bảo Anh

Các Thẩm phán:

Bà Phan Thị Hồng Dung

Bà Hà Thị Phương Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phong Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông Trần Thanh Vũ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 07 và 12 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 658/2024/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp về *“thừa kế tài sản”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 79/2024/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 658/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 658/2025/QĐPT-DS ngày 03 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1962

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1956; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ (theo văn bản ủy quyền ngày 06/3/2023)

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số 209 Trần Văn Bảy, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

2.2. Bà **Nguyễn Thị Thu D**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Vũ Xuân B, sinh năm 1958;

địa chỉ: Số A P, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (theo văn bản ủy quyền ngày 05/7/2023).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1946

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

3.2. Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1987

3.3. Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

3.4. Bà **Nguyễn Thị T3**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện P, TP Cần Thơ.

3.5. Ông **Nguyễn Văn P1**, sinh năm 1981

3.6. Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1993

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

3.7. Bà **Nguyễn Thị T4**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M, bà N, ông P, bà T3, ông P1, ông L, bà T4 là ông Vũ Xuân B, sinh năm 1958; địa chỉ: Số A P, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (theo văn bản ủy quyền ngày 05/7/2023, ngày 18/9/2024, ngày 04/10/2024, ngày 22/5/2024).

3.8. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1954

Địa chỉ: Số F N, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

3.9. Bà **Nguyễn Thị T5**, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số C, khu V, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T5 là ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1956; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ (theo văn bản ủy quyền ngày 06/3/2023).

3.10. Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1956

3.11. Ông **Nguyễn Văn M1**, sinh năm 1968

3.12. Bà **Phạm Thị X**, sinh năm 1965

3.13. Bà **Nguyễn Thị Cà L1**, sinh năm 1990

3.14. Bà **Nguyễn Thị Cà O**, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

* Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị T** trình bày và yêu cầu tại đơn khởi kiện và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Nguyễn Văn T1** trong quá trình tố tụng:

Lúc sinh thời cha mẹ của bà là ông Nguyễn Văn C (chết ngày 24/4/1995) và bà Nguyễn Thị T6 (chết ngày 19/02/2013) có tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất thửa 560, 561, 563 diện tích 6.985m². Cha mẹ bà có 10 người con chung gồm: 1. ông Nguyễn Văn M, 2. ông Nguyễn Văn M2 (chết ngày 31/01/2009, có người thừa kế gồm bà Nguyễn Thị T3, ông Nguyễn Văn P1, bà Nguyễn Thị T4, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn P, và ông Nguyễn Văn L), 3. ông Nguyễn Văn T1, 4. bà Nguyễn Thị H, 5. ông Nguyễn Văn T2, 6. bà Nguyễn Thị T5, 7. bà T, 8. bà Nguyễn Thị Thu D, 9. ông Nguyễn Văn M1, và 10. ông Nguyễn Văn T7 (chết năm 1979, không có người thừa kế). Sau khi mẹ của bà chết, phần đất nêu trên do ông T2, bà D quản lý sử dụng, anh chị em đã thỏa thuận phân chia di sản nhưng không được. Bà khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần đất thửa 560, 561, 563, bà nhận 1/10 khối di sản do bà T6 chết để lại.

Tại phiên hòa giải ngày 04/9/2023 đến phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là ổn định phần đất thửa 563 cho ông M1 tiếp tục sử dụng do đã được cha mẹ cho lúc còn sống, phần đất còn lại là thửa 560, 561 được chia thừa kế theo pháp luật cho 05 người thừa kế gồm: 1. bà Nguyễn Thị T5, 2. bà Nguyễn Thị Thu D, 3. ông Nguyễn Văn T1, 4. bà Nguyễn Thị T, 5. bà Nguyễn Thị H.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn T2 trình bày:*

Năm 2009 ông được mẹ là bà Nguyễn Thị T6 lập di chúc giao phần đất thửa 560, 561, 563 và căn nhà tình nghĩa cùng đồ đạc trong nhà cho ông, ông có nghĩa vụ nuôi dưỡng mẹ và lo thờ cúng ông bà cha mẹ. Khi bà T tranh chấp yêu cầu tách phần đất diện tích 100m² để cất nhà và 500m² đất vườn để canh tác thì ông vẫn đồng ý. Nay nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu chia thừa kế cho 05 người như trên thì ông không đồng ý. Ông phản tố yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho 09 người, mỗi người hưởng 1/9 di sản là thửa 560, 561, 563 diện tích 6.985m².

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu D trình bày:* Bà thống nhất ý kiến trình bày của ông T2.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị T3, ông Nguyễn Văn P1, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T4 có đại diện theo ủy quyền là ông Vũ Xuân B trình bày: Thống nhất theo ý kiến trình bày của ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị Thu D.

+ Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T5, ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

+ Ông Nguyễn Văn M1 trình bày:

Năm 1990 ông được cha mẹ tặng cho phần đất thửa 563, diện tích 3.283m², ông đã canh tác ổn định phần đất này từ năm 1990 đến nay nhưng chưa làm thủ tục chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông yêu cầu độc lập công nhận và ổn định cho ông quyền sử dụng đất thửa 563, ông thống nhất yêu cầu chia thửa kế thửa 560, 561 cho 05 người thừa kế như ý kiến của người đại diện nguyên đơn.

+ Bà Phạm Thị X, bà Nguyễn Thị Cà L1, bà Nguyễn Thị Cà O trình bày: Thống nhất ý kiến trình bày của ông M1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2024/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Văn T2.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn M1.

1. Buộc ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Thu D giao cho bà Nguyễn Thị T quyền sử dụng đất diện tích 600m²(CLN), có chiều ngang 07m thuộc thửa 561, tại vị trí A theo Bản trích đo địa chính số 587/TTKTTNMT ngày 21/8/2024 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C.

Buộc ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Thu D giao cho ông Nguyễn Văn M1 quyền sử dụng đất diện tích 3.239,7m²(CLN), thửa 563, tại vị trí A theo Bản trích đo địa chính số 1500/TTKTTNMT ngày 25/12/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C.

Ông Nguyễn Văn T1 được quyền sử dụng đất phần lối đi diện tích 40m², thửa 561, tại vị trí C theo Bản trích đo địa chính số 587/TTKTTNMT ngày 21/8/2024 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C.

Ông Nguyễn Văn M1 được quyền sử dụng đất diện tích 136,6m², thửa 561, tại vị trí B theo Bản trích đo địa chính số 587/TTKTTNMT ngày 21/8/2024 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C.

Ổn định cho bà Nguyễn Thị Thu D, ông Nguyễn Văn T2 được quyền sử dụng đất diện tích 2.828,8m²(ONT + CLN, có 200m² ONT), thửa 560, 561; và diện tích 467,7m² (CLN), thửa 563, tại vị trí B theo Bản trích đo địa chính số 1500/TTKTTNMT ngày 25/12/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C.

Phần đất tại ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01272, CH01273 do Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ cấp ngày 19/02/2013 cho hộ bà Nguyễn Thị T6 đứng tên.

Cây trồng, tài sản trên đất được giao cùng với phần quyền sử dụng đất mỗi người nhận.

2. Ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Thu D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn T1 số tiền 64.209.300 đồng; ông T2, bà D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T5, mỗi người số tiền 69.969.600 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: miễn án phí cho bà T, ông T2, ông M, bà H, ông T1. Bà D nộp 3.798.000, bà T5 nộp 3.498.000 đồng. Ông M1 được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo phiếu thu số 0006353 ngày 18/6/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phong Điền.

4. Chi phí đo đạc, định giá: bà T, ông T2, bà D, ông M, bà H, ông T1, bà T5, ông M1 mỗi người chịu 1.100.000 đồng. Bà T đã đóng tạm ứng 8.800.000 đồng, nên mỗi người hoàn trả 1.100.000 đồng cho bà T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 31/10/2024, bị đơn ông Nguyễn Văn T2 kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng, sửa bản án sơ thẩm với các yêu cầu như sau:

Do thửa đất 561 bị đơn đã sử dụng ổn định, mỗi kỳ phần không đủ diện tích tách thửa, cấp sơ thẩm buộc bị đơn chia cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T diện tích 600m² (CLN) tại vị trí A (mục đích để đủ diện tích tách thửa) làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn, trong khi bà T chỉ có nguyện vọng cần diện tích 100m² để ở. Đề nghị cấp phúc thẩm chia giao cho bà T 100m² thửa 563 theo Bản trích đo địa chính số 1500/TTKTTNMT ngày 25/12/2023 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C. Bà T chỉ được sử dụng, không được định đoạt, tặng cho hoặc sang nhượng.

Căn cứ Bản trích đo địa chính số 1500/TTKTTNMT ngày 25/12/2023, thửa 563 có diện tích 3.239m², ông Nguyễn Văn M1 đang sử dụng 2.772m² (CLN) tại vị trí A, bị đơn đang sử dụng 467,7m² (CLN) tại vị trí B. Cấp sơ thẩm ổn định cho bị đơn sử dụng 467,7m² (CLN), thửa 563 tại vị trí B nhưng lại buộc bị đơn giao cho ông M1 diện tích 3.239m² (CLN) tại vị trí A là không đúng. Vì vậy, đề nghị cấp phúc thẩm ổn định cho bị đơn sử dụng 467,7m² tại vị trí B và công nhận ổn định cho ông M1 2.772m² tại vị trí A.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn M (có người đại diện ủy quyền là ông Vũ Xuân B) có ý kiến là nhường kỷ phần thừa kế của ông cho các bị đơn ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị Thu D được thừa hưởng nhưng cấp sơ thẩm vẫn buộc bị đơn phải thanh toán cho ông M số tiền theo kỷ phần 69.969.600 đồng là không đúng với ý chí của ông M về nhường quyền hưởng di sản và làm ảnh hưởng quyền lợi của bị đơn. Đề nghị cấp phúc thẩm không buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông M số tiền 69.969.600 đồng như nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, giữa nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận được việc giải quyết một phần yêu cầu kháng cáo của ông T2, cụ thể:

Cấp sơ thẩm tuyên buộc ông T2, bà D giao cho bà T quyền sử dụng đất diện tích 600m² (CLN), có chiều ngang 07m thuộc thửa 561, tại vị trí A theo Bản trích đo địa chính số 587/TTKTTNMT ngày 21/8/2024 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C. Bà T (có người đại diện theo ủy quyền) thay đổi yêu cầu: Đồng ý nhận 100m² đất tại vị trí A để sử dụng, phần diện tích còn lại, nguyên đơn đồng ý để cho bị đơn được sử dụng nhưng yêu cầu các bị đơn phải bồi hoàn giá trị số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Các bị đơn ông T2 và bà D (có người đại diện theo ủy quyền) thống nhất chia giao cho bà T 100m² đất CLN tại vị trí A, thuộc một phần thửa 561, phần diện tích đất còn lại 500m² (theo án sơ thẩm quyết định), các bị đơn bồi hoàn số tiền 200.000.000 đồng cho nguyên đơn để được sử dụng phần đất 500m² này.

Các đương sự khác thống nhất về nội dung thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn như nêu trên, không có ý kiến gì khác.

Các phần phần nội dung kháng cáo còn lại, bị đơn vẫn yêu cầu giữ nguyên.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các đương sự tham gia phiên tòa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định tại Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự về phân chia thừa kế tại thửa đất 561 cho nguyên đơn. Các nội dung kháng cáo còn lại của ông T2 là có căn cứ nên đề nghị xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T2.

Về phân chia tài sản thừa kế tại thửa đất 561:

Cấp sơ thẩm quyết định buộc ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Thu D chia giao cho bà Nguyễn Thị T “diện tích đất 600m² (CLN), có chiều ngang 07m thuộc thửa 561, tại vị trí A theo Bản trích đo địa chính số 587/TTKTTNMT ngày 21/8/2024 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C”. Bị đơn ông T2 không đồng ý, vì cho rằng, việc phân chia đất như vậy sẽ làm ảnh hưởng đến việc sử dụng thửa đất 561 của bị đơn đang trồng cây trên đất. Qua phân tích, động viên tại phiên tòa, giữa nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận được việc giải quyết phân chia tài sản thừa kế cho nguyên đơn tại thửa đất 561 như sau:

Ông T2 và bà D có trách nhiệm chia giao cho bà T 100m² đất CLN tại vị trí A, thửa 561 theo Bản trích đo địa chính số 587/TTKTTNMT ngày 21/8/2024 như nêu trên, phần diện tích 500m² còn lại (theo án sơ thẩm quyết định), các bị đơn bồi hoàn số tiền 200.000.000 đồng cho nguyên đơn.

Nhận thấy, sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội và không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự khác trong vụ án, nên Hội đồng xét xử công nhận.

Về phân chia tài sản thừa kế tại thửa đất 563:

Cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Thu D chia giao cho ông Nguyễn Văn M1 quyền sử dụng đất diện tích 3.239,7m² (CLN), thửa 563, tại vị trí A theo Bản trích đo địa chính số 1500/TTKTTNMT ngày 25/12/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C. Tuy nhiên, theo kết quả đo đạc tại Bản trích đo địa chính số 1500 nêu trên thì thửa 563 được chia làm 02 phần: Vị trí A, diện tích 2.772m² do ông M1 đang sử dụng và vị trí B, diện tích 467,7m² do bà D sử dụng. Án sơ thẩm nhận định công nhận cho ông M1 được sử dụng diện tích 2.772m² tại vị trí A (một phần thửa 563) do được cha mẹ tặng cho ông M1 sử dụng từ năm 1990 nhưng phần quyết định lại buộc các bị đơn giao cho ông M1 diện tích 3.239,7m² (toàn bộ thửa 563) là có sự nhầm lẫn. Hơn nữa, ngoài diện tích đất 3.239,7m² mà cấp sơ thẩm tuyên giao cho ông M1, còn quyết định giao cho ông T2 và bà D 467,7m² (CLN) tại thửa 563, vị trí B theo Bản trích đo địa chính. Như vậy, tổng cộng diện tích đất mà cấp sơ thẩm tuyên giao cho ông M1 và bà D đã vượt quá diện tích đất theo kết quả đo đạc tại thửa 563 là không phù hợp, không thể thi hành. Do vậy, cần xem xét điều chỉnh lại diện tích đất giao cho ông M1 tại vị trí A là 2.772m², tại thửa 563 theo kết quả đo đạc tại Bản trích đo địa chính 1500/TTKTTNMT ngày 25/12/2023 nêu trên là có căn cứ.

Về xem xét việc đương sự đã có ý kiến nhường quyền hưởng tài sản thừa kế:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn M (có người đại diện theo ủy quyền là ông Vũ Xuân B) trình bày ý kiến tại các văn bản ngày 08/7/2024 và 19/9/2024 gửi cho Tòa án cấp sơ thẩm về việc ông M nhường kỷ phần thừa kế của ông cho ông T2, bà D thừa hưởng. Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm lại không ghi nhận sự tự nguyện này của ông M và tuyên buộc ông T2 và bà D thanh toán cho ông M kỷ phần thừa kế số tiền 69.969.600 đồng là không phù hợp, không đúng với ý chí của đương sự về quyền tự định đoạt tài sản, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn. Do vậy, cấp phúc thẩm cần xem xét điều chỉnh lại, giao kỷ phần thừa kế của ông M cho các bị đơn thừa hưởng nên kháng cáo của ông T2 là có cơ sở để chấp nhận.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự nguyên đơn, bị đơn thỏa thuận được việc giải quyết vụ án về chia tài sản thừa kế nên án phí có giá ngạch của mỗi người phải chịu tương ứng với giá trị tài sản được hưởng.

Cần điều chỉnh lại phần án phí mà ông T2 và bà D phải chịu khi được hưởng kỷ phần thừa kế của ông M (do M nhường quyền hưởng thừa kế cho ông T2 và bà D). Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện tại, bà T và ông T2 đều là những người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định. Còn bà D phải nộp theo quy định.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông T2 kháng cáo và có căn cứ chấp nhận một phần nên không phải chịu.

[4] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật pháp luật.

[5] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T2. Sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Thu D giao cho bà Nguyễn Thị T quyền sử dụng đất diện tích 100m², thuộc một phần thửa 561, tại vị trí A theo Bản trích đo địa chính số 587/TTKTTNMT ngày 21/8/2024 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C.

Ngoài diện tích đất chia giao nêu trên, ông T2 và bà D còn có trách nhiệm bồi hoàn cho cho bà T số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị đơn ông T2 và bà D chậm bồi hoàn số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Buộc ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Thu D giao cho ông Nguyễn Văn M1 quyền sử dụng đất diện tích **2.772m²** (CLN) thuộc một phần thửa 563, tại vị trí A theo Bản trích đo địa chính số 1500/TTKTTNMT ngày 25/12/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C.

Ông Nguyễn Văn T1 được quyền sử dụng đất phần lối đi diện tích **40m²**, một phần thửa 561, tại vị trí C theo Bản trích đo địa chính số 587/TTKTTNMT ngày 21/8/2024 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C.

Ông Nguyễn Văn M1 được quyền sử dụng đất diện tích **136,6m²**, một phần thửa 561, tại vị trí B theo Bản trích đo địa chính số 587/TTKTTNMT ngày 21/8/2024 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C.

Bà Nguyễn Thị Thu D và ông Nguyễn Văn T2 được quyền sử dụng đất diện tích **3.328.8m²** (trong đó: 200m² ONT tại thửa thửa 560 và 3.128,8m² CLN thuộc một phần thửa 561 sau khi trừ đi phần đất chia giao cho bà T, ông T1 và ông M1) theo Bản trích đo địa chính số 587/TTKTTNMT ngày 21/8/2024 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C và diện tích **467,7m²** (CLN), thuộc một phần thửa 563, tại vị trí B theo Bản trích đo địa chính số 1500/TTKTTNMT ngày 25/12/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C.

Các phần đất nêu trên tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01272, CH01273 do Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ cấp cùng ngày 19/02/2013 cho hộ bà Nguyễn Thị T6 đứng tên.

Cây trồng, tài sản trên đất được giao cùng với phần quyền sử dụng đất của mỗi người được nhận sử dụng.

Do phần đất của bà T sử dụng **100m²** tại vị trí A; ông Nguyễn Văn T1 **40m²** tại vị trí C và Nguyễn Văn M1 **136,6m²**, tại vị trí B (cùng thuộc một phần thửa 561, loại đất CLN) theo Bản trích đo địa chính số 587/TTKTTNMT ngày 21/8/2024 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C là không đủ diện tích tối thiểu để tách thửa theo quy định nên kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đồng chủ sử dụng gồm: ông T2, bà D, bà T, ông T1 và ông M1, trong đó thể hiện cụ thể phần của mỗi người được sử dụng theo diện tích đã được xác định như nêu trên.

3/. Ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Thu D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn T1 số tiền 64.209.300 đồng; bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị T5, mỗi người số tiền 69.969.600 đồng.

Riêng kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Văn M, ông T2 và bà D được thừa hưởng theo ý chí nhường quyền hưởng di sản thừa kế của ông M.

4/. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà D nộp 5.547.000 đồng, bà T5 nộp 3.498.000 đồng. Ông M1 được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo phiếu thu số 0006353 ngày 18/6/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phong Điền.

Miễn án phí cho bà T, ông T2, bà H và ông T1.

5/. Chi phí đo đạc, định giá: Bà T, bà H, ông T1, bà T5, ông M1 mỗi người phải chịu 1.100.000 đồng. Riêng ông T2 và bà D phải chịu số tiền 3.300.000 đồng.

Bà T đã đóng tạm ứng số tiền 8.800.000 đồng để thực hiện, nên bà H, ông T1, bà T5, ông M1 mỗi người phải hoàn trả 1.100.000 đồng cho bà T. Riêng ông T2 và bà D phải trả lại cho bà T số tiền 3.300.000 đồng.

6/. Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

7/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày được tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND H Phong Điền;
- THADS H Phong Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Bảo Anh

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.Cần Thơ;
- Chi Cục THADS Q.Bình Thủy;
- TAND Q. Bình Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Bảo Anh